

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 4-2022
Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Hạ

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 06, xã AS, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 06, xã AS, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Văn B, sinh năm 1982; cư trú tại thôn 6, xã AS, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AS vào ngày 30 tháng 11 năm 2009. Sau

khi cưới vợ chồng về thôn 6, xã AS, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đỗ Văn B ham chơi, thiếu trách nhiệm không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến kinh tế vợ chồng ngày càng khó khăn. Do mâu thuẫn nên chị Nguyễn Thị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị đình cuộc sống nên chị đề nghị được ly hôn anh Đỗ Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Ánh, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2009 và Đỗ Ngọc Băng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012, từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con nên khi ly hôn chị Nguyễn Thị H xin được tiếp tục nuôi cả hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh B không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc chị Nguyễn Thị H xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn, về tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là anh Đỗ Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn B; Về con chung: Giao hai con chung tên Đỗ Ngọc Ánh, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2009 và Đỗ Ngọc Băng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị H; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; giấy

chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh của con; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã AS; Công an xã AS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AS, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 30 tháng 11 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Đỗ Văn B không có trách nhiệm với gia đình và đã sống ly thân nhau. Nay chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị chấm dứt cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn B. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đỗ Văn B vắng mặt và cũng không có văn bản nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm về việc chị Nguyễn Thị H xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn B đã kéo dài và không còn khả năng đoàn tụ được nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn B.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn B có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Ánh, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2009 và Đỗ Ngọc Băng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012. Khi ly hôn, vì hiện nay con chung còn nhỏ để con ổn định cuộc sống, chị Nguyễn Thị H đề nghị được nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Văn B vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh tại địa phương xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Đỗ Ngọc Ánh, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2009 và Đỗ Ngọc Băng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng

thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Nguyễn Thị H trình bày để chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn B chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn B chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Ngọc Ánh, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2009 và Đỗ Ngọc Băng, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm tại

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007712 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Hạ - Nguyễn Thị Lương

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã AS, huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

g;
y Nguyên;
ện Thủy Nguyên;
huyện Thủy Nguyên;
n.

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

